

越南語輸入法學習單1

符號/字母	輸入	實際輸入	練習1	練習2	
sắc 	s	cá = cas		vé	
huyền 	f	nhà = nhaf		dùng	
hỏi 	r	vỏ = vor		bỏ	
ngã 	x	tã = tax		xã	
nặng 	j	bạn = banj		bị	
â	aa	hân = haan		nâng	
ê	ee	êm = eem		tên	
ô	oo	ôm = oom		cô	
đ	dd	đi = ddi		do	
ă	aw	ăn = ăn		sản	
ơ	ow	ơn = own		hơn	
ư	uw	ừ = uwf		lưng	

練習3			練習4		
足球	bóng đá		學生	học sinh	
樣子	dáng vẻ		女老師	cô giáo	
春捲	gỏi cuốn		很高興	rất vui	
浪漫	lãng mạn		認識	làm quen	
糯米	gạo nếp		你好	xin chào	
光著腳	chân đất		你呢	còn em	
所以	cho nên		爸媽	bố mẹ	
美金	đô la		男女老師	thầy cô	
頭痛	đau đầu		各位同學	các em	
蘆筍	măng tây		第一課	bài một	
開玩笑	giỡn mặt		第二課	bài hai	
山林	rừng núi		數量	số lượng	

越南語輸入法學習單2

請用越南語輸入法輸入以下歌詞，再說一說

Hãy để tôi ôm lấy	讓我擁抱著
	
	
Điều bận lòng hôm nay	今天的煩惱
	
	
Để nhớ khi cầm tay	讓我記住每次牽你的手
	
	
Xoa dịu em với câu hát này	用這句歌詞安慰你
	
	
Để những thanh âm thật thà từ tim tôi	讓這些從我心中所發出的真誠的聲音
	
	
Có thể sưởi ấm tim người	可以溫暖你的心
	
	
Luôn gần em dù ta cách xa mây trời	一直圍繞著你就算我倆分隔兩地
	
	

